

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘ ĐỨC
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 30/12/2020

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC, TỈNH QUẢNG NGÃI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Đàm Quang Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phan Trường Chinh

2. Bà Nguyễn Thị Thu Dung

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Tuyết Mai – Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2020/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 10 năm 2020, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 14 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị K

Bị đơn: Anh Nguyễn Đăng T

Cùng địa chỉ: K 24, thôn 4, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 13/8/2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 25/9/2020, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị K trình bày: Chị và anh Nguyễn Đăng T tìm hiểu yêu thương nhau và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 1989 và chung sống như vợ chồng từ đó đến nay, nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của Pháp luật. Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị có được 04 con chung nhưng anh T không lo làm ăn mà thường xuyên uống rượu, ghen tuôn vô cớ rồi gây sự đánh đập chị. Tất cả các chi phí cho gia đình, nuôi con con ăn học đều do một mình chị đảm nhận, thế nhưng anh T không biết thương vợ mà còn thường xuyên đánh đập chị. Nay các con đã trưởng thành, chị không thể tiếp tục cuộc sống bạo lực nữa, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Đăng T.

Về con chung: Vợ chồng chị có 04 con chung là Nguyễn Quốc H, sinh năm 1990; Nguyễn Thị Thúy H, sinh năm 1991; Nguyễn Thị Thúy H1, sinh năm

1997 và Nguyễn Quốc H2, sinh ngày 06/6/2004. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu H2, không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con. Đối với các con H, Thúy H1 và Thúy H2 hiện nay đã có gia đình riêng nên chị không có yêu cầu gì.

Về tài sản chung: Vợ chồng chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Theo bản tự khai ngày 23/10/2020, bị đơn anh Nguyễn Đăng T trình bày: Anh và chị Trần Thị K chung sống với nhau từ năm 1989, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, nhưng đăng ký vào năm nào thì anh không rõ. Trong quá trình chung sống, giữa anh và chị K có xảy ra mâu thuẫn, nhưng anh không đánh chị K. Hiện nay, chị K và anh không còn sống chung nữa, nhưng chị K yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý. Vì anh thấy mâu thuẫn giữa anh và chị K không đến nỗi phải dẫn đến ly hôn, làm ảnh hưởng đến các con. Trường hợp chị K cương quyết yêu cầu ly hôn, thì anh yêu cầu được nuôi con chung là Nguyễn Quốc H2, sinh ngày 06/6/2004, không yêu cầu chị K cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, đều chấp hành nghiêm chỉnh nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28,35,39,147,227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 14, 53, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

+ Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị K và anh Nguyễn Đăng T.

+ Giao con chung Nguyễn Quốc H2, sinh ngày 06/6/2004 cho chị K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh T không cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung và nợ chung: Điều không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra đương sự chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Bị đơn anh Nguyễn Đăng T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Trần Thị K và anh Nguyễn Đăng T được sự đồng ý của hai bên gia đình nên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán vào năm 1989, chung sống với nhau như vợ chồng từ đó cho đến nay, nhưng không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nay chị Trần Thị K

yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Đăng T, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này”*. Mặt khác, theo biên bản xác minh ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức với Ủy ban nhân dân xã Đ thì chị Trần Thị K và anh Nguyễn Đăng T không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ.

Từ những căn cứ trên, việc chị K và anh T chung sống như vợ chồng từ năm 1989 nhưng đến nay không đăng ký kết hôn. Vì vậy, pháp luật không công nhận anh, chị là vợ chồng.

[3] *Về nuôi con chung*: Chị K và anh T đều công nhận vợ chồng có 04 con chung nhưng 03 con đã lập gia đình riêng, chỉ còn Nguyễn Quốc H2 là con chưa thành niên. Chị K và anh T đều yêu cầu được nuôi cháu H2. Theo đơn trình bày nguyện vọng của con đề ngày 19 tháng 11 năm 2020 thì cháu H2 có nguyện vọng sống tự lập. Tuy nhiên, hiện nay cháu H2 chưa đủ 18 tuổi nên để đảm bảo quyền lợi chính đáng cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển một cách toàn diện về mọi mặt của con chưa thành niên. Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu H2 cho chị K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Tòa án đã phân tích, giải thích pháp luật về cấp dưỡng cho con chưa thành niên theo quy định của pháp luật, nhưng chị K vẫn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Khi cần thiết, các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4] *Về tài sản chung*: Các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xét.

[5] *Về nợ chung*: Không có

[6] *Về án phí*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Trần Thị K phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

[7] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, khoản 1 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271; Điều 273, Điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Trần Thị K và anh Nguyễn Đăng T là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Quốc H2, sinh ngày 06/6/2004 cho chị Trần Thị K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị K không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con. Khi cần thiết, các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Thị K phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0005783, ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộ Đức.

4. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (30/12/2020), đương sự vắng mặt tại phiên toà hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi
- VKSND huyện Mộ Đức
- Chi cục THADS huyện Mộ Đức
- Các đương sự;
- UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đàm Quang Hiệp